

Bản án số: 68/2019/HS-ST

Ngày: 20-3-2019.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn T

Bà Trần Thị Ngọc Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa theo phân công của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao: Bà Trần Nguyễn Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2019/HSST ngày 10/01/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 451/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 1102/2019/HSST-QĐ ngày 28/02/2019 đối với bị cáo:

Đoàn Thị Kiều O; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: không có; Sinh ngày 15 tháng 08 năm 1967 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú và tạm trú: Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên phụ trách XNK Công ty TNHH MB Việt Nam; Con ông: Đ Văn H; Con bà: Nghiêm Thị Nh; Bị bắt tạm giam ngày 27/7/2017. (Có mặt)

Đơn vị có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đại diện Chi cục Hải quan Quản lý hàng Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh - Bà Đoàn Phi V, sinh năm 1967, Phó Chi cục trưởng – Chi cục Hải quan Quản lý hàng Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: phường y, Quận z, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Việt Đ, sinh năm: 1972; Địa chỉ: chung cư A, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 54/6 Phạm Ngũ Lão, Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Ông Đậu Đình Th, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Nguyễn Trung N, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Phường a, Quận b, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Anh TH; Địa chỉ: Phường k, Quận m, Thành phố Hồ Chí Minh.(Có mặt)

4. Ông Tôn Thất Thanh T, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Số 343/11 Nơ Trang L, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

5. Ông Trương Hoàng X, sinh năm: 1973; Địa chỉ: phường K, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: phường Trường Th, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

6. Ông Phan D, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Đặng Minh Kh, Phường V, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: xã Phong P, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Người bào chữa: Luật sư Trần Thị Kim Hồng (vắng mặt) và Luật sư Phạm Tiến Dũng (có mặt) – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH MB Việt Nam (sau đây viết tắt là Công ty MB Việt Nam) là công ty 100% vốn nước ngoài, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 1103/GP ngày 12/01/1995 của Ủy ban Nhà nước về hợp tác đầu tư và Giấy chứng nhận đầu tư số 451043000307 ngày 18/11/2014 UBND tỉnh Tây Ninh. Trụ sở chính công ty tại Khu phố 7, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; ngành nghề kinh doanh là sản xuất và gia công hàng may mặc; vốn điều lệ 24 tỷ đồng; người đại diện theo pháp luật là ông Kang Young KK, quốc tịch Hàn Quốc. Công ty có 01 Chi nhánh tại địa chỉ Phòng 10, tầng trệt, Chung cư An Sương, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; Chi nhánh do Đoàn Thị Kiều O phụ trách (không có nhân viên) và thực hiện công việc xuất nhập khẩu của Công ty MB Việt Nam.

Ngày 07/6/2016, Công ty MB Việt Nam mở Tờ khai hải quan điện tử số 100894022020/E21 tại Chi cục Hải quan Quản lý hàng đầu tư, khai báo nhập khẩu lô hàng là nguyên phụ liệu may mặc, chứa trong 2 container số DJLU5201908 và DJLU5010012 tại cảng Cát Lái Thành phố Hồ Chí Minh. Tờ khai được phân luồng vàng và đã được thông quan.

Cùng ngày 07/6/2016, Chi cục Hải quan Quản lý hàng đầu tư ra Quyết định số 347/QĐ-ĐT về việc tạm dừng đưa hàng hóa qua khu vực giám sát đối với lô hàng nêu trên để kiểm tra thực tế hàng hóa.

Ngày 08/6/2016, Công ty MB Việt Nam có Công văn số 8/616-TCNH gửi Đại lý hãng tàu Hải Bằng và Chi cục Hải quan Quản lý hàng đầu tư, về việc từ chối nhận lô hàng, do phía người gửi hàng có email thông báo gửi nhầm hàng.

Ngày 16/6/2016, Chi cục Hải quan Quản lý hàng đầu tư ra quyết định khám xét hành chính, đối với 2 cont hàng hóa của Công ty MB Việt Nam.

Cùng ngày 16/6/2016, Công ty MB Việt Nam có “Thư phúc đáp” gửi Chi cục Hải quan Quản lý hàng đầu tư, khẳng định lô hàng là do nhầm lẫn, theo đó Công ty không có thẩm quyền với lô hàng trên và không tham dự việc kiểm tra thực tế lô hàng.

Ngày 17, 18, 19/6/2016, Chi cục Hải quan Quản lý hàng đầu tư phối hợp với C46 Bộ Công an, Cục Điều tra chống buôn lậu - Tổng cục Hải quan và Công ty Cổ phần Giám định Thương mại Bảo Linh tiến hành khám xét 02 cont nói trên. Kết quả khám xét, xác định hàng hóa gồm: Phụ T ô tô các loại đã qua sử dụng (chất lượng còn lại 30-45%): 7.965 chi tiết (chiếc/cụm/cái); Đồ gia dụng các loại: 6.459 chi tiết (bộ/chiếc/lõi); Loại đã qua sử dụng (chất lượng còn lại 40-70%): 3.207 chiếc; Hàng mới 100%: 3.252 chiếc; Thiết bị điện tử các loại đã qua sử dụng (chất lượng còn lại 35-70%): 758 chiếc; Mỹ phẩm các loại (mới 100%): 17.226 sản phẩm; Thiết bị massage, trị liệu (mới 100%): 148 chiếc; Thực phẩm chức năng, sâm đóng chai, nấm linh chi, thuốc chống say tàu xe, dưỡng da (mới 100%): 10.296 sản phẩm.

Tổng cộng gồm 42.880 chi tiết (chiếc/cụm/cái/lõi/bộ/chai/lọ/kg), toàn bộ số hàng này nằm trong Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu và nhập khẩu có điều kiện được quy định tại điểm 7 - mục II - Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ.

Ngày 03/4/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh có kết luận định giá tài sản số 2593/STC-HĐĐGTS-BVG, kết luận: Giá trị hàng chứa trong 02 container nêu trên, tại thời điểm tháng 6/2016 là 6.080.259.000 đồng (*sáu tỷ, không trăm tám mươi triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn đồng*). Bút lục số 32 - 45).

Kết quả điều tra về việc vận chuyển, nhập khẩu 2 container hàng số DJLU5201908 và DJLU5010012 theo tờ khai hải quan số 100894022020/E21 ngày 07/6/2016 tại Chi cục Hải quan Quản lý hàng đầu tư, như sau:

Tại Công ty MB Việt Nam, ông KangYoung KK - Tổng Giám đốc và Đ Thị Kiều O xác định: 02 container hàng số DJLU5201908 và số DJLU5010012 theo Tờ khai hải quan số 100894022020/E21 bị bắt giữ ngày 07/6/2016 và 08 container hàng có trọng lượng 115.220 kg, tổng trị giá trên tờ khai hải quan là 1.028.867.847 đồng do O mở tờ khai nhập khẩu từ ngày 06/4/2016 đến ngày 27/5/2016 không nhập kho, không phải hàng của Công ty MB Việt Nam nhập để gia công, xuất khẩu. Đoàn Thị Kiều O tự ý mở tờ khai nhập khẩu. Ông Kang Young KK và các nhân viên khác ở Công ty MB Việt Nam không biết, không chỉ đạo O nhập khẩu các lô hàng này.

Công ty Cổ phần Transimex là đại lý của hãng tàu DongJin (Hàn Quốc) xác nhận: Ngày 06/6/2016 hãng tàu DongJin vận chuyển 02 container hàng số DJLU5201908 và DJLU5010012 từ Hàn Quốc về Việt Nam, giao cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ giao nhận vận tải Hải Bằng. Người gửi hàng là Đinh Thị Thúy - Giám đốc Công ty OCS có địa chỉ No 106, # Gyeongwon-daero, Bupyeong, Incheon-si, Korea.

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ giao nhận vận tải Hải Bằng (Công ty Hải Bằng) xác nhận: Ngày 06/6/2016, sau khi nhận được thông báo từ hãng tàu DongJin và liên hệ với đại lý gửi hàng là JJ Transportation tại Hàn Quốc, căn cứ thông tin trên hồ sơ, Công ty Hải Bằng gửi thông báo qua email và được Đ Thị Kiều O - Công ty MB Việt Nam xác nhận là người nhận 02 container hàng số DJLU5201908 và DJLU5010012 được gửi từ Hàn Quốc. Từ ngày 07 đến 08/6/2016 Công ty Hải Bằng nhận được một số thông báo thay đổi thông tin hàng hóa nên Công ty chưa nhận lệnh giao hàng từ hãng tàu, cũng chưa giao lệnh giao hàng cho Công ty MB Việt Nam. Ngày 09/6/2016 Công ty Hải Bằng nhận được email của đại lý JJ Transportation, đính kèm là 01 file văn bản, dưới dạng email đứng tên Công ty Tabitha Appapel gửi cho Công ty Hải Bằng vào lúc 12h36 ngày 07/8/2016, nội dung: Tabitha có gửi 01 lô hàng đến Việt Nam thông qua hãng tàu DongJin. Do nhầm lẫn, Tabitha đề nghị điều chỉnh người nhận hàng là IMPORT EXPORT CO KENG BUNTHY., LTD, địa chỉ tại Campuchia (Công ty Hải Bằng không trực tiếp nhận mail của Công ty Tabitha).

Sau khi vụ án xảy ra, Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can đối với Đoàn Thị Kiều O về hành vi buôn lậu nhưng O bỏ trốn, đến ngày 27/7/2017 O bị bắt theo lệnh truy nã. Trong quá trình điều tra, bị can Đ Thị Kiều O khai nhận như sau: Khoảng tháng 5/2016, anh Lê Văn Tiến (công chức Hải quan tại Chi cục Hải quan Quản lý hàng đầu tư) gặp O nói bạn Tiến là Phạm Việt Đ có lô hàng muốn nhập về Việt Nam, nhờ O đứng tên Công ty MB Việt Nam khai báo hải quan. Sau đó, anh Tiến trực tiếp giới thiệu Đ với O; Đ nhờ O đứng tên Công ty MB Việt Nam khai báo hải quan nhập lô hàng gồm 02 container, O chỉ có trách nhiệm mở tờ khai, Đ chịu trách nhiệm thuê xe, lấy hàng, mỗi container Đ trả cho O 15 triệu đồng; O đồng ý và đưa cho Đ bill tàu có thông tin về Công ty MB Việt Nam và các loại nguyên phụ liệu công ty thường nhập để Đ biết. Ngày 05/6/2016, Đ gặp O thông báo hàng sắp về Việt Nam, khi nhận được thông tin từ đại lý giao nhận thì khai báo hải quan. Ngày 06/6/2016, Công ty Hải Bằng gửi email cho O thông tin về lô hàng gồm 02 container do hãng tàu Dongjin gửi đến Công ty MB Việt Nam, thông qua đại lý vận chuyển là JJ Transportation tại Hàn Quốc. Khoảng 13 giờ ngày 07/6/2016, O sử dụng chữ ký số của Công ty MB Việt Nam mở Tờ khai nhập khẩu hàng hóa số 100894022020/E21 và truyền dữ liệu đến Chi cục Hải quan Quản lý hàng đầu tư. Do tờ khai được phân luồng vàng, O nhờ bạn là chị Hàng Thị Thùy Linh đến Chi cục Hải quan Quản lý hàng đầu tư để xin thông quan lô hàng khi chưa có hồ sơ (*gồm tờ khai và vận đơn, lệnh giao hàng*). Sau đó chị Linh gọi điện báo cho O biết việc cơ quan Hải quan yêu cầu kiểm tra hồ sơ giấy. Do không có hồ sơ về lô hàng nên O điện báo cho Đ biết; Đ gặp O, giới thiệu O với Đậu Đình Th và nói Th là chủ lô hàng. Th, Đ bàn với O làm thủ tục từ chối nhận hàng với lý do hàng bị gửi nhầm. Ngày 08/6/2016, O mạo chữ ký ông Kang Young KK - Giám đốc Công ty MB Việt Nam soạn công văn từ chối nhận hàng gửi Chi cục Hải quan Quản lý hàng đầu tư.

Ngày 09/6/2016, Đ dẫn O đến Văn phòng của luật sư Phan Thông Anh để nhờ tư vấn giải quyết. Nhân viên của Phan Thông Anh là chị Quan Ái Như đã giúp O soạn thảo Thư phúc đáp đề ngày 13/6/2016 và Bản tường trình đề ngày

16/6/2016, O mạo chữ ký của ông Kang Young KK đóng dấu Công ty MB Việt Nam gửi cơ quan Hải quan để giải trình và từ chối nhận 02 container hàng đã mở tờ khai ngày 07/6/2016.

Trong thời gian này, Đậu Đình Th có giới thiệu O với Đinh Thị Thúy, là người gửi 02 container hàng số DJLU5201908 và DJLU5010012 từ Hàn Quốc về cho Th và bàn cách lấy lại lô hàng. Sau đó Đ gọi điện thoại cho O nói đã nhờ Tôn Thất Thanh T nhận ủy quyền làm việc với cơ quan Hải quan, bảo O liên hệ với T lấy thông tin để đưa cho Đinh Thị Thúy làm hồ sơ ủy quyền. Vài ngày sau, Đ đưa cho O 01 bộ hồ sơ bằng tiếng Hàn Quốc, nói O đưa cho T đi dịch công chứng. Tiếp đó, khi O bị cơ quan điều tra triệu tập làm việc, Đ cho O địa chỉ nhà Th để O đến yêu cầu Th giải quyết. Th bảo O bỏ trốn một thời gian và đưa địa chỉ nhà bạn của Th là Trương Hoàng X tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh để O đến ở. O đã kể cho X biết việc O nhập hàng cho Th; X nói sẽ giúp O với chi phí là 100.000 USD, sau đó yêu cầu chi 150.000 USD. O điện thoại thông báo cho Đ, Đ nói đã đưa cho X tổng cộng 100.000 USD. O điện thoại lại được X xác nhận đã nhận 100.000 USD của Đ. X biết O bị truy nã nhưng vẫn cho O ở nhờ. Đến 02/9 O không ở nhà X nữa mà bỏ đi lang thang nhiều nơi để trốn (bút lục số 1860-1867).

Ngoài lô hàng gồm 02 container số DJLU5201908 và DJLU5010012 nêu trên, Đ Thị Kiều O còn khai nhận: Công ty MB Việt Nam nhập hàng để gia công xuất khẩu nên không phải chịu thuế nhập khẩu và khi mở tờ khai hải quan thường được thông quan luồng xanh hoặc luồng vàng (chỉ kiểm tra hồ sơ nhập khẩu, không kiểm tra thực tế hàng hóa). Lợi dụng việc này, từ ngày 06/4/2016 đến 27/5/2016 O đã sử dụng pháp nhân Công ty MB Việt Nam mở 08 tờ khai hải quan điện tử nhập khẩu 08 container hàng hóa không biết chủng loại, số lượng và nguồn gốc xuất xứ nhưng khai báo là nguyên phụ liệu may mặc và toàn bộ số hàng hóa này đã được thông quan, không chịu thuế nhập khẩu. Cụ thể:

- Tờ khai số 100841105150 ngày 29/4/2016, nhập khẩu 01 container cho Phạm Việt Đ; trọng lượng hàng hóa 18.573 kg, trị giá khai báo là 56.629.347 đồng; O được Phạm Việt Đ thỏa thuận trả công 15.000.000 đồng nhưng chưa nhận tiền;

- 03 Tờ khai gồm: số 100807133710 ngày 6/4/2016, số 100809868830 ngày 7/4/2016, số 100814047240 ngày 11/4/2016 nhập khẩu 03 container cho Phan D - Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dầu Ấn Tinh Hoa; tổng trọng lượng hàng hóa 19.447 kg, trị giá khai báo là 231.369.606 đồng; O được Phan D trả công 30.000.000 đồng;

- 04 Tờ khai gồm: số 100809060920 ngày 07/4/2016, số 100816854460 ngày 12/4/2016, số 100816809330 ngày 13/4/2016, số 100879898600 ngày 27/5/2016 nhập khẩu 04 container cho người có tên là Nga không biết địa chỉ; tổng trọng lượng hàng hóa 77.200 kg, trị giá khai khai báo là 740.868.893 đồng; O được chủ hàng trả công 40.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra vụ án, các đối tượng liên quan đến hành vi của Đ Thị Kiều O đều không khai nhận nội dung sự việc như Đ Thị Kiều O khai báo nêu trên.

Anh Lê Văn Tiến khai: Khoảng tháng 2-3/2016, anh Tiến và Đ Thị Kiều O đang ngồi uống cà phê tại quán thì Phạm Việt Đ gọi điện rủ đi uống cà phê nên anh Tiến bảo Đ đến ngồi cùng và giới thiệu O là nhân viên phụ trách xuất nhập khẩu, làm thủ tục hải quan cho Công ty MB Việt Nam tại Chi cục Hải quan Quản lý hàng đầu tư; anh Đ và O làm quen, trao đổi số điện thoại của nhau, anh Tiến không đề nghị O làm công việc gì, không đề nghị nhập khẩu hàng thông qua Công ty MB Việt Nam.

Phạm Việt Đ khai: Đ quen O qua giới thiệu của anh Lê Văn Tiến (công chức Đội kiểm soát hải quan, thuộc Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh). Khoảng tháng 5/2016, Đậu Đình Th nhờ Đ giới thiệu người làm dịch vụ khai thuê hải quan để nhập hàng từ Hàn Quốc về. Đ cho Th số điện thoại của O để liên hệ và trao đổi công việc. Đ cũng điện cho O giới thiệu Th liên hệ để nhờ O làm thủ tục hải quan. Ngày 08/6/2016, O có gặp Đ nói việc mở tờ khai nhập hàng cho Th bị kiểm tra hồ sơ. Đ gọi điện cho Th thì Th xác nhận 02 cont là của Th nhưng có sự nhầm lẫn trong quá trình gửi hàng (hàng gửi đi Campuchia nhưng gửi nhầm cho Công ty MB Việt Nam). Sau đó Đ có gặp Th yêu cầu phải đứng ra giải quyết việc này cho O; theo đề nghị của O, Đ có đưa Th đến gặp Luật sư Phan Thông Anh nhờ tư vấn về việc gửi nhầm hàng hóa của Công ty MB Việt Nam (bút lục số 1883-1893).

Đậu Đình Th khai: Khoảng tháng 6/2016, Phạm Việt Đ giới thiệu Đ Thị Kiều O với Th và nói ngày 07/6/2016 O mở tờ khai nhập khẩu 02 container hàng hóa từ Hàn Quốc, nhưng không phải là hàng hóa chuyên dùng may mặc như trên tờ khai hải quan, hiện đang bị tạm giữ, hãng tàu vận chuyển đã có thông báo gửi nhầm hàng. Đ và O nhờ các mối quan hệ bên Hàn Quốc của Th để tìm hiểu và hỏi giúp thông tin về công ty tại Hàn Quốc gửi nhầm hàng về Công ty MB Việt Nam nơi O làm việc và tìm cách xử lý. O điện thoại cho Th nhiều lần và tới nhà riêng gặp để nhờ giúp đỡ nhưng Th không giúp được gì. Th thừa nhận có quen biết Đinh Thị Thúy từ trước, nhưng không thừa nhận cùng Thúy, Đ bàn cách nhờ Tôn Thất Thanh T nhận ủy quyền từ Đinh Thị Thúy để soạn văn bản giải trình và xin nhận lại 02 container hàng với cơ quan Hải quan như lời khai của Đoàn Thị Kiều O. Th không thừa nhận là chủ hàng đối với 02 container, không bàn bạc gì với O, Đ về việc nhập khẩu 02 container này, không gửi O đến nhà Trương Hoàng X để trốn (bút lục số 1900-1914).

Trương Hoàng X khai: Đầu tháng 7/2016, Phạm Việt Đ có điện thoại cho X nhờ tìm hoặc thuê giúp một chỗ để cho người chị (sau này biết là O) đến ở nhờ một thời gian. X cho Đ số điện thoại của Võ Thị Mỹ (tên thường gọi là My - bạn gái X) đang ở nhà X tại số nhà 190/68 Nguyễn Xiển, Quận 9 để liên lạc. Sau đó O đến ở cùng với My. X thường xuyên ra tỉnh Bình Thuận làm việc nên chỉ gặp O vài lần. Không biết O đang trốn truy nã. Đến tháng 9/2016, O không ở nhà X nữa thì O mới điện nói cho X biết đang bị truy nã về tội Buôn lậu và

hiều lần điện thoại nhờ X giúp đỡ nhưng X không giúp được gì (bút lục số 1927-1938).

Kết quả đối chất giữa Đ Thị Kiều O với Phạm Việt Đ; Đ Thị Kiều O với Đậu Đình Th; Đoàn Thị Kiều O với Trương Hoàng X; Trương Hoàng X với Phạm Việt Đ; Phạm Việt Đ với Đậu Đình Th, các bên đều giữ nguyên lời khai của mình (bút lục số 2101 - 2117).

Đối với ông Phan D - Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dầu Án Tinh Hoa, thừa nhận như sau: Ông D thỏa thuận với Đ Thị Kiều O để O dùng pháp nhân Công ty MB Việt Nam nhập khẩu 03 container hàng theo Tờ khai số 100807133710 ngày 06/4/2016, số 100809868830 ngày 07/4/2016, số 100814047240 ngày 11/4/2016, tổng trọng lượng hàng hóa là 19.447 kg. Việc nhập hàng do một người Hàn Quốc tên là Yang nhờ D nhập hộ là hành lý cá nhân từ Hàn Quốc về Việt Nam cho 03 người Hàn Quốc đang sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không nhớ tên, địa chỉ người nhận hàng. D đã nhận 03 container hàng và trả cho O tổng số tiền công theo thỏa thuận là 30 triệu đồng. Quá trình điều tra vụ án, Đoàn Thị Kiều O khai báo Phạm Việt Đ, Đậu Đình Th là chủ số hàng hóa nêu trên và sử dụng tiền lời kéo O phạm tội; sau khi O phạm tội thì Đậu Đình Th và Trương Hoàng X là người bố trí chỗ ở cho O bỏ trốn. Tuy nhiên, Phạm Việt Đ, Đậu Đình Th và Trương Hoàng X không thừa nhận lời khai của Đoàn Thị Kiều O, do đó chưa có đủ cơ sở kết luận Phạm Việt Đ, Đậu Đình Th là đối tượng chủ mưu, lôi kéo O thực hiện việc khai báo hải quan gian dối để nhập lậu hàng hóa; chưa có đủ cơ sở kết luận Đậu Đình Th và Trương Hoàng X thực hiện hành vi che giấu tội phạm.

Đ Thị Kiều O khai nhận từ ngày 06/4/2016 đến 27/5/2016 O đã sử dụng pháp nhân Công ty MB Việt Nam mở 08 tờ khai điện tử khai báo là nguyên phụ liệu may mặc giúp cho Phạm Việt Đ, Phan D và đối tượng tên Nga nhập khẩu 08 container hàng hóa không chịu thuế nhập khẩu. Kết quả điều tra không xác định được chủng loại, số lượng, nguồn gốc xuất xứ và trị giá hàng hóa nên không có đủ căn cứ kết luận Đ Thị Kiều O và các chủ hàng mà O khai báo thực hiện hành vi cấu thành tội phạm.

Đối với Nguyễn Thị Anh TH, là công chức Hải quan được phân công làm thủ tục hải quan đối với Tờ khai số 100894022020/E21 của Công ty MB Việt Nam, được hệ thống tự động phân luồng Vàng (kiểm tra hồ sơ giấy, gồm Tờ khai và Vận đơn giấy). Mặc dù chưa nhận được hồ sơ của Công ty MB Việt Nam nhưng chị Hàng Thị Thùy Linh nói với TH tạo điều kiện thông quan trước, chị O sẽ mang hồ sơ tới sau nên Nguyễn Thị Anh TH đã phê duyệt thông quan Tờ khai số 10089422020/E21 của Công ty MB Việt Nam khi chưa có hồ sơ giấy. Việc làm của TH vi phạm quy định tại Điều 7, Quyết định 1966/QĐ-TCHQ ngày 10/7/2015 của Tổng cục Hải quan về “Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu”. Tuy nhiên, xét thấy hành vi của Nguyễn Thị Anh TH do nể nang, không có yếu tố vụ lợi, hàng hoá nhập lậu đã được thông quan nhưng chưa có thiệt hại xảy ra. Do đó hành vi của Nguyễn Thị Anh TH chưa đến mức phải xem xét trách nhiệm hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều

tra (C46) Bộ Công an đã có văn bản kiến nghị Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh xử lý hành chính nghiêm khắc đối với Nguyễn Thị Anh TH. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục làm rõ, nếu có căn cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Vật chứng của vụ án đã thu giữ, gồm: 42.880 chi tiết (chiếc/cụm/cái/lõi/bộ/chai/lọ/kg), trị giá 6.080.259.200 đồng đang được lưu giữ trong 03 container để tại khu vực giám sát thuộc cảng Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản Cáo trạng số 97/CT-VKSTC-P3 ngày 18/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã truy tố bị cáo Đ Thị Kiều O về tội “Buôn Lậu” theo điểm a, khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội liên quan đến 02 container hàng hoá được làm thủ tục nhập khẩu, do bị cáo đã mượn danh nghĩa Công ty MB Việt Nam nơi bị cáo làm việc để làm thủ tục nhập khẩu hàng là các nguyên phụ liệu may mặc để gia công hàng xuất khẩu, hàng tạm nhập, tái xuất, không chịu thuế nhập khẩu và bị cáo đã mở tờ khai làm thủ tục nhập khẩu thuê cho ông Phạm Việt Đ, Đậu Đình Th là hàng may mặc. Khi bị kiểm tra hàng hoá thực tế thì toàn bộ là hàng hoá cấm nhập khẩu, hàng nhập khẩu có điều kiện và không cung cấp giấy tờ cho bị cáo được, đồng thời phủ nhận toàn bộ sự việc liên quan đến 2 container hàng hoá này. Theo thông tin do Th cung cấp cho bị cáo thì hàng hoá được gửi từ Công ty Tabitha Appapel của Hàn Quốc thông qua đại lý hãng tàu Hải Bằng, rồi gửi về Công ty MB Việt Nam như thông tin bị cáo cung cấp ban đầu. Theo thoả thuận bị cáo sẽ nhận được 15.000.000 đồng/container khi nhập khẩu thông quan và bị cáo chưa nhận được tiền công, hàng hóa sau khi bị kiểm tra đã dừng thông quan, chưa được thông quan, chưa gây thiệt hại về thuế. Bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật tiếp tay cho nhóm buôn lậu, xin Hội đồng xét xử được hưởng mức án nhẹ nhất.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Đại diện Chi cục Hải quan Quản lý hàng đầu tư trình bày: Đối với 02 container hàng trong vụ án này, khi làm thủ tục thông quan, do bà Nguyễn Thị Anh TH là người được phân công làm nhiệm vụ. Tuy nhiên, bà TH đã không tuân thủ đúng quy định tại Quyết định 1966 ngày 10/7/2015 của Tổng cục Hải quan, hiện bà TH đã nghỉ hưu do đó không thể ra quyết định xử lý đối với bà TH.

Bà Nguyễn Thị Anh TH khai nhận, được phân công làm thủ tục hải quan đối với lô hàng trong 02 container của Công ty MB, đã không kiểm tra đầy đủ giấy tờ nhưng cho thông quan, ngay khi sự việc xảy ra tôi đã thông báo dừng thông quan và hàng hoá đã bị thu giữ, bản thân tôi không vụ lợi hay móc ngoặc làm ăn gì với O. Sai sót này là tai nạn nghề nghiệp, mong Hội đồng xét xử xem

xét vì bản thân tôi đã nghỉ hưu không còn công tác tại Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phạm Việt Đ khai nhận, Ông là công chức hải quan, biết O qua Tiến công chức hải quan, vì O thường xuyên làm thủ tục hải quan nhập khẩu hàng hoá cho Công ty MB. Đậu Đình Th có nhờ giới thiệu người làm dịch vụ khai thuê hải quan để nhập hàng từ Hàn Quốc về, tôi đã giới thiệu O cho Th và có cho O số điện thoại của Th. Việc O liên hệ và nhập hàng cho Th thế nào ông không biết, chỉ nghe Th nói hàng bị gửi nhầm. Ông xác định toàn bộ lời khai của ông tại cơ quan điều tra và tại các phiên toà là đúng, ông không liên quan gì đến việc nhập khẩu hàng hoá này.

Ông Đậu Đình Th khai nhận, thông qua ông Phạm Việt Đ là công chức hải quan, ông biết được O trong trường hợp O đang gặp sự cố liên quan đến 2 container hàng khi khai báo hải quan và nhờ ông thông qua các mối quan hệ bên Hàn Quốc, để liên hệ với Công ty bên Hàn Quốc xử lý việc gửi nhầm hàng. Ông xác định không có mối liên quan nào đối với 02 Container này và không gửi O đi trốn như lời khai của O.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày:

Về tội danh: Trong vụ án này, Cơ quan điều tra xác định bị cáo là người duy nhất chịu trách nhiệm đối với hai lô hàng là chưa đấu tranh làm rõ triệt để vai trò đồng phạm của những đối tượng liên quan, một mình bị cáo O không thể lo tìm kiếm nguồn hàng và tiêu thụ hàng, mặc dù Đậu Đình Th và Phạm Việt Đ đều phủ nhận hoàn toàn trách nhiệm của mình, nhưng lời khai của những đối tượng này là mâu thuẫn với nhau. Khi mở tờ khai hải quan bị cáo không biết rõ lô hàng là gì, vậy lỗi khách quan chưa chứng minh được hành vi buôn lậu của bị cáo, chưa chứng minh được chủ mưu, cầm đầu, móc ngoặc với các đối tượng đưa hàng đi tiêu thụ. Về cấu thành tội buôn lậu cơ quan điều tra chưa làm rõ được ý thức chủ quan và lỗi cố ý của bị cáo. Hành vi của bị cáo do nhận thức pháp luật kém, lợi dụng việc được giao nhiệm vụ nhập khẩu tại Công ty MB Việt Nam, đã nhập hàng thuê cho các đối tượng khác. Từ những nhận định trên thì bị cáo O không phạm tội Buôn lậu mà hành vi của bị cáo thoả mãn cấu thành của tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Đồng thời cũng đề nghị xem xét về nhân thân của bị cáo lần đầu phạm tội, thành khẩn khai báo, do thiếu hiểu biết về nhận thức pháp luật để xem xét cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất khi nhận định chuyển tội danh cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận giữ nguyên quan điểm, đối với ý kiến của luật sư cho rằng, hành vi của bị cáo O không thoả mãn cấu thành của tội

buôn lậu là không có căn cứ. Bởi lẽ, hành vi của bị cáo mạo danh danh nghĩa của Công ty MB để sử dụng pháp nhân và chữ ký số của Công ty MB và nhập khẩu hàng hoá thuộc danh mục cấm nhập khẩu và nhập khẩu có điều kiện, ngay từ khi mở tờ khai hải quan, hành vi của bị cáo về ý thức chủ quan đã được chứng minh rất rõ về tội buôn lậu.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận: bị cáo có sử dụng pháp nhân, chữ ký số và con dấu của Công ty MB thực hiện kê khai hải quan và thu lợi dẫn đến phạm tội, vì bản thân bị cáo không biết hàng nhập khẩu là hàng gì, không biết chủ hàng là ai, nhận thức về pháp luật kém. Hành vi phạm tội của bị cáo do hoàn cảnh gia đình khó khăn, đi làm thêm để tăng thu nhập nuôi gia đình, do đó luật sư giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận giữ nguyên quan điểm đối với ý kiến của luật sư cho rằng hành vi của bị cáo O không thoả mãn cấu thành của tội buôn lậu là không có căn cứ bởi lẽ hành vi của bị cáo sử dụng pháp nhân và chữ ký số của Công ty MB để nhập khẩu hàng hoá thuộc danh mục cấm nhập khẩu và nhập khẩu có điều kiện, ngay từ khi mở tờ khai hải quan, hành vi của bị cáo về ý thức chủ quan đã được chứng minh rất rõ về tội buôn lậu.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận: bị cáo có sử dụng pháp nhân, chữ ký số và con dấu của Công ty MB thực hiện kê khai hải quan và thu lợi dẫn đến phạm tội, vì bản thân bị cáo không biết hàng nhập khẩu là hàng gì, không biết chủ hàng là ai, nhận thức về pháp luật kém. Hành vi phạm tội của bị cáo do hoàn cảnh gia đình khó khăn, đi làm thêm để tăng thu nhập nuôi gia đình, do đó luật sư giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội và giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo về tội “Buôn lậu”. Sau khi xem xét hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017 để xem xét và đề nghị xử phạt từ 10 năm tù đến 12 năm tù, đồng thời xử lý tang vật của vụ án theo quy định của pháp luật.

Riêng đối với Phạm Việt Đ, Đậu Đình Th, Đinh Thị Thuý, Phan D, Nguyễn Thị Anh TH là những người liên quan đến hành vi của Đoàn Thị Kiều O trong vụ án này. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an làm rõ nếu có căn cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, không bên nào đưa ra những tình tiết mới cần phải tranh luận đối đáp thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo luật sư Trần Thị Kim Hồng có đơn đề nghị vắng mặt và gửi bản bào chữa cho Tòa án. Căn cứ Điều 291 Bộ luật tố tụng hình sự, xét thấy sự vắng mặt người bào chữa trong trường hợp này là không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời Luật sư Phạm Tiến D vẫn tiếp tục bào chữa cho bị cáo theo quy định.

[2] Đoàn Thị Kiều O đã có hành vi sử dụng pháp nhân và chữ ký số của Công ty MB Việt Nam mở Tờ khai hải quan điện tử số 100894022020/E21 tại Chi cục Hải quan Quản lý hàng đầu tư, khai báo nhập khẩu lô hàng gồm 02 container là nguyên phụ liệu may mặc để gia công hàng xuất khẩu (hàng tạm nhập, tái xuất; không chịu thuế nhập khẩu) nhưng thực tế hàng hóa chứa trong 02 container là hàng hóa đã qua sử dụng trị giá 4.907.620.000 thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu; hàng hóa trị giá 1.172.639.200 đồng thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu có điều kiện. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, xác định tổng trị giá hàng hóa nhập khẩu là 6.080.259.200 đồng. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với số hàng hóa nêu trên.

Xét lời khai của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ khác như các biên bản ghi lời khai và các biên bản hoạt động điều tra, xác minh khác từ đó đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đoàn Thị Kiều O phạm vào tội “Buôn lậu”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự.

[3] Mặc dù, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đ Thị Kiều O cho rằng Phạm Việt Đ, Đậu Đình Th là chủ số hàng hóa của 02 container được mở tờ khai nhập khẩu và thuê O đứng tên Công ty MB Việt Nam để khai báo hải

quan nhập lô hàng gồm 02 container với tiền công được thuê là 15.000.000 đồng/container. Mặt khác, O khai nhận ngay từ đầu là người đã cung cấp bill tàu và thông tin về Công ty TNHH MB Việt Nam và các loại nguyên phụ liệu công ty thường nhập để nhập số hàng hoá trên cho Đ, O cho rằng các đối tượng này đã sử dụng tiền lời kéo O phạm tội; sau khi O phạm tội thì Đậu Đình Th và Trương Hoàng X là người bố trí chỗ ở cho O bỏ trốn. Tuy nhiên, Phạm Việt Đ, Đậu Đình Th và Trương Hoàng X đã phủ nhận lời khai của Đoàn Thị Kiều O, đồng thời tiến hành đối chất các đối tượng liên quan đã hoàn toàn phủ nhận về diễn biến liên quan đến hàng hoá nhập khẩu do O làm thủ tục khai báo hải quan. Như vậy, ngoài lời khai này của bị cáo thì không có chứng cứ, tài liệu nào thể hiện việc được thuê nhập khẩu đối với 02 container hàng hoá. Do đó, chưa có đủ cơ sở kết luận Phạm Việt Đ, Đậu Đình Th là đối tượng chủ mưu, lôi kéo O thực hiện việc khai báo hải quan gian dối để nhập lậu hàng hóa cũng chưa có đủ cơ sở kết luận Đậu Đình Th và Trương Hoàng X thực hiện hành vi che giấu tội phạm và cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục làm rõ.

Vì vậy, bị cáo Đoàn Thị Kiều O phải chịu trách nhiệm đối với số hàng hóa trong 02 container trị giá 6.080.259.200 đồng như trên.

Trên đây cũng là lập luận của Hội đồng xét xử về quan điểm bào chữa của Luật sư cho bị cáo Đ Thị Kiều O về tội danh cũng như các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo. Do đó, chỉ có căn cứ chấp nhận một phần lời bào chữa về các tình tiết giảm nhẹ của luật sư đề nghị.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của các cơ quan chức năng, đã vi phạm các quy định của pháp luật về buôn bán hàng hóa qua biên giới, xâm phạm đến pháp luật về xuất nhập khẩu hàng hóa của Nhà nước. Do đó cần áp dụng mức hình phạt phù hợp để xử phạt đối với bị cáo nhằm đạt được mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét hành vi hậu quả của vụ án, cũng như nhân thân của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bản thân bị cáo chưa có gia đình sống chung với cha mẹ già có hoàn cảnh neo đơn (được xác nhận của chính quyền địa phương). Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo khi lượng hình.

Về hình phạt bổ sung: Do số hàng nhập khẩu bị phát hiện chưa trót lọt nên chưa thu được lợi nhuận, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt này đối với bị cáo.

[6] Đối với ông Kang Young KK – Tổng giám đốc công ty MB Việt Nam xác định đối với 02 container hàng số DJLU5201908 và số DJLU5010012 theo Tờ khai hải quan số 100894022020/E21 bị bắt giữ ngày 07/6/2016 và 08 container hàng do O mở tờ khai nhập khẩu từ ngày 06/4/2016 đến ngày 27/5/2016 không nhập kho, không phải hàng của Công ty MB Việt Nam nhập để gia công, xuất khẩu. Đoàn Thị Kiều O tự ý mở tờ khai nhập khẩu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi này.

Đối với Phạm Việt Đ, Đậu Đình Th theo tài liệu điều tra, lời khai của Đ Thị Kiều O thể hiện Đinh Thị Thúy- Giám đốc Công ty OCS địa chỉ: No 106, # Gyeongwon-daero, Bupyeong, incheon-si, Korea là người gửi 02 container hàng số DJLU5201908 và DJLU5010012 cho Đậu Đình Th, Phạm Việt Đ giúp sức thông qua việc thỏa thuận với O dùng pháp nhân Công ty TNHH MB Việt Nam mở tờ khai nhập khẩu hàng để tiêu thụ tại nội địa Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nay thời hạn điều tra vụ án đã hết, chưa làm rõ được hành vi của Phạm Việt Đ, Đậu Đình Th, Đinh Thị Thúy. Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Phan D thừa nhận do Yang- người Hàn Quốc nhờ nhập 3 container hàng hành lý cá nhân từ Hàn Quốc về Việt Nam giao cho 3 người Hàn Quốc đang sống ở TP Hồ Chí Minh nên đã thỏa thuận để O dùng pháp nhân Công ty TNHH MB mở tờ khai nhập 3 container hàng trị giá trên tờ khai hải quan 231.369.606,75 đồng. Các lô hàng đã thông quan, chỉ xác định giá trị hàng căn cứ trên tờ khai hải quan, chưa xác định được đối tượng tên Yang và người gửi hàng. Cơ quan điều tra tách ra xem xét xử lý khi có thêm tài liệu, chứng cứ.

Xét thấy, đối với Nguyễn Thị Anh TH là công chức Hải quan, được phân công làm thủ tục hải quan đối với Tờ khai số 100894022020/E21 của Công ty MB Việt Nam, được hệ thống tự động phân luồng Vàng (kiểm tra hồ sơ giấy, gồm Tờ khai và Vận đơn giấy). Mặc dù chưa nhận được hồ sơ của Công ty TNHH MB Việt Nam nhưng TH tạo điều kiện thông quan trước và phê duyệt thông quan tờ khai số 10089422020/E21 của Công ty TNHH MB Việt Nam khi chưa có hồ sơ giấy là vi phạm quy định tại Điều 7, Quyết định 1966/QĐ-TCHQ ngày 10/7/2015 của Tổng cục Hải quan về “Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu”. Quá trình điều tra, truy tố thể hiện hành vi của Nguyễn Thị Anh TH do nể nang, không có yếu tố vụ lợi, hàng hoá nhập lậu đã được thông quan, chưa có thiệt hại xảy ra nên chưa đến mức phải xem xét trách nhiệm hình sự. Mặt khác, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã có văn bản kiến nghị Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh xử lý hành chính nghiêm khắc đối với Nguyễn Thị Anh TH. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có hình thức xử lý nào do bà TH đã nghỉ hưu, đồng thời tại phiên toà không phát sinh thêm tình tiết nào mới đối với hành vi của Nguyễn Thị Anh TH. Vì vậy, để có căn cứ vững chắc về việc xem xét trách nhiệm hình sự nên cần thiết tiếp tục kiến nghị để làm rõ.

[7] Nội dung kiến nghị: Căn cứ vào nội dung theo bản Kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an và bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, đối với Phạm Việt Đ, Đậu Đình Th, Đinh Thị Thúy, Phan D, Nguyễn Thị Anh TH là những người liên quan đến hành vi của Đoàn Thị Kiều O trong vụ án này. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã trả hồ sơ điều tra bổ sung để yêu cầu làm rõ bản chất vụ án, ý thức chủ quan của những người liên quan. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đồng thời, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ nếu có căn cứ thì xử lý đối với những đối

tượng nêu trên. Căn cứ vào giới hạn của việc xét xử theo quy định tại Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xét xử bị cáo, các hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã truy tố như đã nêu trên, nhưng Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ công an; Viện kiểm sát nhân dân Tối cao tiếp tục xem xét nếu có căn cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về vật chứng: Đối với Phụ Tùng ô tô các loại đã qua sử dụng, đồ gia dụng các loại; thiết bị điện tử các loại đã qua sử dụng; thiết bị massage, trị liệu là những hàng hóa nhập khẩu trái phép, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với mỹ phẩm các loại; Thực phẩm chức năng, sâm đóng chai, nấm linh chi, thuốc chống say tàu xe, dưỡng da. Xét thấy, đối tượng sử dụng hàng hóa này chính là con người và hàng hóa này không có xác nhận về chỉ tiêu chất lượng đảm bảo an toàn để con người có thể sử dụng. Mặt khác, hàng hóa này là tang vật của vụ án “Buôn lậu” nên cần tịch thu tiêu hủy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Đ Thị Kiều O** phạm tội “Buôn lậu”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Đoàn Thị Kiều O** 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/7/2017.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Phụ Tùng ô tô các loại đã qua sử dụng, đồ gia dụng các loại; thiết bị điện tử các loại đã qua sử dụng; Thiết bị massage, trị liệu.

Tịch thu tiêu hủy: Mỹ phẩm các loại; Thực phẩm chức năng, sâm đóng chai, nấm linh chi, thuốc chống say tàu xe, dưỡng da.

(Theo biên bản khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan số 28/BB-HC5 ngày 19/6/2016 của Chi cục Hải Quan Quản Lý Hàng Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh; Chi tiết cụ thể số tang vật vi phạm căn cứ vào kết quả chứng thư thẩm định giá số 3142/Cth-VCHP ngày 01/7/2016, kèm theo là Phụ lục chi tiết)

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 2; Điều 6 Luật phí, lệ phí; Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.
Buộc:

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP. HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục Thi hành án dân sự; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người liên quan; (6)
- Trại giam; (1)
- Luật sư; (1)
- Thi hành án hình sự; (1)
- Phòng PC 53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (28) (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà